

MỘT SỐ TRAO ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT KẾ TOÁN THEO HƯỚNG SỐ HÓA CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Đăng Huy *

Tóm tắt: Sửa đổi và bổ sung Luật Kế toán tạo điều kiện cơ sở pháp lý cho cải thiện chất lượng kế toán và tăng cường tính minh bạch, công bằng trong kế toán, giúp các đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức có thể hoạt động hiệu quả hơn và cạnh tranh trên thị trường; đồng thời giúp đáp ứng các yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0 và chuyển đổi số quốc gia, tăng cường quản lý tài chính và phòng ngừa rủi ro, nâng cao chất lượng thông tin kế toán, tạo điều kiện cho sự phát triển của các doanh nghiệp và tổ chức. Trong bài viết này, chúng tôi có một số trao đổi nhằm sửa đổi Luật Kế toán theo hướng hội nhập quốc tế, tăng cường chất lượng thông tin kế toán và chuyển đổi số quốc gia.

Từ khóa: Luật Kế toán, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, kế toán

Summary: *Amendments and supplements to the Accounting Law create legal conditions for improving accounting quality and enhancing transparency and fairness in accounting, helping units, businesses and organizations to operate more efficiently and compete in the market; At the same time, it helps meet the requirements of the 4.0 revolution and national digital transformation, strengthens financial management and risk prevention, improves the quality of accounting information, and creates conditions for the development of financial institutions. businesses and organizations. In this article, we have some discussions aimed at amending the Accounting Law towards international integration, enhancing the quality of accounting information and national digital transformation.*

Keywords: *Accounting law, international integration, argument transformation, accountant.*

1. Đặt vấn đề

Luật Kế toán 2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, là luật kế thừa Luật Kế toán 2003, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung mới cho phù hợp với điều kiện thực tế của tình hình kinh tế - xã hội. Các nội dung được quy định chi tiết bao gồm các quy định chung; công tác kế toán bao gồm chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ kế toán, báo cáo tài chính; kiểm tra kế toán; kiểm kê tài sản,

bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán; công việc kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản; tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán; hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; quản lý nhà nước về kế toán,... Tuy nhiên, sau 7 năm áp dụng, Luật Kế toán cũng còn một số nội dung chưa đáp ứng với môi trường hoạt động liên quan đến kế toán ở Việt

* Phó giáo sư, tiến sĩ, Khoa Kế toán,
Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

Nam luôn có nhiều biến đổi. Việc mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế đòi hỏi các cơ chế chính sách về tài chính, kế toán phải được điều chỉnh kịp thời.

2. Quan điểm, mục tiêu sửa đổi Luật Kế toán

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng IFRS;

- Rà soát và sửa đổi các quy định về chứng từ kế toán, sổ kế toán, những sai sót kế toán không phù hợp với thực tế ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay;

- Rà soát các quy định về chữ ký trên chứng từ kế toán, tài liệu kế toán và các nội dung khác liên quan, để có sửa đổi phù hợp với việc tạo lập, luân chuyển, xử lý và lưu trữ bằng phương tiện điện tử, icloud,... ;

- Rà soát các quy định liên quan đến giao dịch kinh tế trên môi trường điện tử, thực tế ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong việc giao dịch kinh tế, thực tế của việc thực hiện các quy định về giao dịch điện tử;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với quá trình chuyển đổi số trong việc xây dựng khung khổ pháp lý và tổ chức triển khai thực hiện tại các đơn vị; xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến kế toán phục vụ hoạt động của các đơn vị và hoạt động quản lý, giám sát kế toán.

3. Một số trao đổi đề xuất sửa đổi Luật Kế toán

3.1. Luật Kế toán (Điều 17)

Mục 1: *“Chứng từ điện tử được coi là chứng từ kế toán khi có các nội dung quy định tại Điều 16 của Luật này và được thể hiện dưới dạng dữ liệu điện tử, được mã*

hóa mà không bị thay đổi trong quá trình truyền qua mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc trên vật mang tin như băng từ, đĩa từ, các loại thẻ thanh toán”.

1) Hiện nay, việc sử dụng chứng từ điện tử sẽ ngày càng phổ biến và được lưu trữ dưới nhiều hình thức như đám mây, big data,... Do đó, cần xem xét quy định rõ hơn khái niệm/tiêu chí xác định thế nào là chứng từ điện tử, ví dụ: ngoài các chứng từ có chữ ký số được đăng ký, các giao dịch thực hiện qua Internet Banking, Mobile Banking... có phải là chứng từ điện tử không, các loại chứng từ như xác nhận giao dịch có được coi là “chứng từ kế toán” hay không?

2) Luật Kế toán quy định chứng từ điện tử phải có đủ chữ kí điện tử của các cá nhân, tuy nhiên, thực tế trong giao dịch điện tử giữa đơn vị/DN với TCTD, giữa TCTD với đơn vị, chỉ có chữ ký điện tử/chữ ký số của tổ chức hoặc/và có chữ ký số cá nhân người đại diện hợp pháp của tổ chức cũng đủ cơ sở pháp lý chứng minh chứng từ điện tử đó là của tổ chức xác nhận giao dịch mà không có chữ ký số của các cá nhân liên quan khác.

Luật cần làm rõ việc sử dụng, người thực hiện chữ ký điện tử trên chứng từ điện tử, cho phép được thỏa thuận về việc sử dụng và quản lý chữ ký điện tử khi ký chứng từ điện tử giữa các bên giao dịch.

3) Đối với chứng từ điện tử (lệnh chuyển tiền điện tử, giấy báo nợ, báo có in từ hệ thống ngân hàng điện tử...), thực tế, các hệ thống ngân hàng điện tử hoặc hệ thống SWIFT hoặc lệnh thanh toán theo tập tin (payment file) thường không có trường “số tiền bằng chữ” và thông tin này không phải là thông tin bắt buộc,

do đối với chứng từ điện tử, số tiền được hiển thị sẽ không có khả năng bị sửa đổi như đối với chứng từ giấy.

4) Chứng từ điện tử, điều kiện sử dụng chứng từ điện tử và giá trị chứng từ điện tử

- Với tốc độ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng phổ biến vào hoạt động kế toán hiện nay thì việc sử dụng chứng từ điện tử sẽ ngày càng phổ biến do đó cần quy định rõ hơn tiêu chí xác định thế nào là chứng từ điện tử, quy trình lập và kiểm soát chứng từ điện tử, phương thức lưu trữ và thời hạn lưu trữ chứng từ điện tử, dữ liệu hệ thống chứng từ điện tử cho phù hợp.

- “Chứng từ điện tử được chứa trong các vật mang tin như băng từ, đĩa từ, các loại thẻ thanh toán và các thiết bị lưu trữ khác” hiện tại không còn phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ.

Cần bổ sung khái niệm đầy đủ bao quát vật mang tin; bổ sung hướng dẫn cho các chứng từ giao dịch tự động và giao dịch điện tử trực tuyến (khách hàng lập, hệ thống phát bút toán tự động) và các chứng từ hệ thống tự động khác cũng sẽ không có chữ ký người lập, người duyệt, cũng như không cần phải in từng chứng từ để lưu trữ (vì đã được lưu trữ bằng phương tiện điện tử).

- Cần bổ sung thêm các hướng dẫn về chứng từ điện tử. Đặc biệt làm rõ khái niệm chứng từ điện tử: ngoài các chứng từ có chữ ký số được đăng ký, các giao dịch thực hiện qua Internet Banking, Mobile Banking... có được nằm trong khái niệm chứng từ điện tử không. Các loại chứng từ như xác nhận giao dịch có được coi là “chứng từ kế toán” hay không?

3.2. Luật Kế toán (Điều 18) Lập và lưu trữ chứng từ kế toán

Mục 6: Chứng từ kế toán được lập dưới dạng chứng từ điện tử phải tuân theo quy định tại Điều 17, khoản 1 và khoản 2 Điều này. “Chứng từ điện tử được in ra giấy và lưu trữ theo quy định tại Điều 41 của Luật này. Trường hợp không in ra giấy mà thực hiện lưu trữ trên các phương tiện điện tử thì phải bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu và phải bảo đảm tra cứu được trong thời hạn lưu trữ”.

1) Hiện nay, chưa có quy định cụ thể có tính pháp lý về kế toán đối với nội dung hồ sơ điện tử, chữ ký điện tử nên trong thực tế các đơn vị ngoài việc lưu trữ hồ sơ điện tử vẫn phải in và lưu trữ các hồ sơ chứng từ bằng bản giấy, do đó chưa thực sự đảm bảo tính tiết kiệm và phù hợp với quá trình thực hiện chuyển đổi số.

Cần bổ sung các quy định về chữ ký, chứng từ kế toán đối với các giao dịch điện tử, cũng như việc lưu giữ chứng từ điện tử, in và lưu giữ sổ kế toán khi thực hiện công tác kế toán để đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện Quy định việc tiêu hủy chứng từ kế toán điện tử“.

2) Hiện nay rất nhiều đơn vị đang thực hiện lưu trữ chứng từ dưới hình thức điện tử, tuy nhiên quy định pháp luật đối với hình thức này còn chưa đầy đủ, việc chuyển đổi hình thức bảo quản, lưu trữ từ hình thức giấy sang điện tử hoặc ngược lại tại các đơn vị còn chưa rõ ràng gây bối rối trong việc thực hiện. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung đối với nội dung như quy trình lập và kiểm soát chứng từ điện tử, phương thức lưu trữ chứng từ điện tử, dữ liệu hệ thống chứng từ điện tử đảm bảo tập hợp được đầy đủ,

kip thời toàn bộ chứng từ phát sinh và tra cứu, cung cấp chứng từ theo các tiêu chí về nội dung kinh tế, thời gian phát sinh,... khi cần thiết.

3). Các quy định, hướng dẫn về lập, sửa, lưu trữ chứng từ kế toán chủ yếu quy định cho chứng từ dạng giấy, chủ yếu tập trung tới hoạt động ghi chép thủ công trên giấy. Các quy định về kế toán trên phương tiện điện tử, chứng từ điện tử chỉ được quy định bổ sung thêm nên chưa đầy đủ, toàn diện.

Đề xuất: Bổ sung quy định về hình thức lập, sửa chứng từ kế toán dưới dạng phương tiện điện tử. Sửa đổi quy định về việc lập, sửa chữa, bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán dưới dạng phương tiện điện tử; Quy định rõ các loại chứng từ kế toán, các trường hợp bắt buộc cần in chứng từ điện tử ra giấy“

3.3. Luật Kế toán (Điều 19) Ký chứng từ kế toán

Mục 1: “Chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ. Chữ ký trên chứng từ kế toán phải được ký bằng loại mực không phai. Không được ký chứng từ kế toán bằng mực màu đỏ hoặc đóng dấu chữ ký khắc sẵn. Chữ ký trên chứng từ kế toán của một người phải thống nhất. Chữ ký trên chứng từ kế toán của người kiểm thị được thực hiện theo quy định của Chính phủ”.

1) Điều 5 NĐ 174 quy định đơn vị kế toán được chủ động thiết kế chứng từ phù hợp đảm bảo đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán.

2) Bổ sung quy định ký chứng từ đối với người không biết chữ, người tàn tật không thể viết, Điều 5 NĐ174 chỉ có quy định ký chứng từ đối với người

kiểm thị.

3) Việc quy định bắt buộc phải có chữ ký (kể cả dạng chữ ký tay hay chữ ký điện tử) trên mọi chứng từ kế toán không còn phù hợp với thực tế khi doanh nghiệp ghi chép lại một số hoặc toàn bộ hoạt động kế toán và gửi nhận dữ liệu (hóa đơn, hợp đồng, chứng từ...) trên phương tiện điện tử.

Đề xuất: Quy định cụ thể các loại chứng từ, các trường hợp bắt buộc có chữ ký trên nội dung chứng từ kế toán. Quy định bổ sung về hình thức chữ ký điện tử trên chứng từ điện tử. Bổ sung giải thích từ ngữ chữ ký điện tử, chứng thực chữ ký điện tử và chữ ký số.

Mục 3: “Chứng từ kế toán chi tiền phải do người có thẩm quyền duyệt chi và kế toán trưởng hoặc người được ủy quyền ký trước khi thực hiện. Chữ ký trên chứng từ kế toán dùng để chi tiền phải ký theo từng liên”.

1) Đề nghị bổ sung quy định về việc rà soát đối với „thành phần ký, thời điểm ký“ trên chứng từ kế toán, đặc biệt là đối với các chứng từ chi tiền nhằm phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh của DN hiện nay. Vì quy định như hiện nay phù hợp với các DN quy mô nhỏ, ít phát sinh giao dịch, trong thực tế một số DN phát sinh chi trả cho đối tác như hoa hồng, phí bán hàng, các khoản thu hộ... theo thời gian thực 24/7 dựa trên kết quả bán hàng được quản lý, khai báo và tính toán tập trung trên hệ thống CNTT, thay vì chờ đến cuối tháng, cuối quý như trước đây. Đồng thời chứng từ chi tiền điện tử cũng không có nhiều liên như chứng từ giấy, nên việc quy định ký chứng từ như hiện nay không còn phù hợp.

2) Quy định này có nhiều bất cập đối với doanh nghiệp tư nhân, quy mô nhỏ thuê dịch vụ làm kế toán ngoài và các doanh nghiệp nước ngoài có Giám đốc tài chính phụ trách bộ phận tài chính nhưng không đủ điều kiện để lấy chứng chỉ kế toán trưởng của Việt Nam.

3) Trên thị trường có nhiều loại hình đơn vị, việc quyết định chi tiền của một tổ chức do người chủ sở hữu/người đại diện hợp pháp của tổ chức đó quyết định, KTT chỉ là người được tổ chức tuyển dụng hoặc thuê dịch vụ, không có quyền quyết định việc chi tiền, nên việc quy định phải có KTT ký là không phù hợp.

Nên chăng quy định chỉ áp dụng với đơn vị kế toán nhà nước.

4) Đề nghị quy định rõ về „chứng từ chi tiền“, tại các TCTD, chứng từ chi tiền được hiểu là chứng từ chi tiền cho khách hàng từ tài khoản của khách hàng hoặc chi tiền thanh toán của Ngân hàng cho đối tác. Giao dịch rút tiền của khách hàng diễn ra thường xuyên nên quy định chứng từ phải có chữ ký của người có thẩm quyền là bất cập.

Mục 4: *“Chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử. Chữ ký trên chứng từ điện tử có giá trị như chữ ký trên chứng từ bằng giấy”*

1) Cần bổ sung quy định cụ thể việc sử dụng chứng từ điện tử trong giao dịch thanh toán, ký chứng từ, luân chuyển chứng từ và xử lý chứng từ sai sót; quy định cụ thể về lưu trữ chứng từ, tài liệu kế toán là chứng từ điện tử bằng phương tiện điện tử.

2) Hiện nay, các thiết bị, phương tiện điện tử để áp dụng hình thức chứng từ điện tử chỉ mới liên thông giữa doanh

nh nghiệp và cơ quan thuế. Đối với các cơ quan nhà nước khác mà pháp luật quy định doanh nghiệp phải nộp BCTC như: Sở Tài chính, cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Cục Thống kê..., chưa có thiết bị điện tử liên thông với doanh nghiệp nên doanh nghiệp nộp BCTC bằng bản điện tử in ra giấy (không có chữ ký của người lập biểu, kế toán trưởng, người đại diện pháp luật, không đóng dấu của doanh nghiệp) thì BCTC có giá trị pháp lý không.

3) Có hành lang pháp lý về chữ ký điện tử trên chứng từ kế toán, vì hiện nay toàn bộ các doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn điện tử, nhưng các chứng từ kèm theo hóa đơn điện tử như: hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc biên bản thay thế, hủy hóa đơn đều phải thực hiện ký bình thường và gửi chuyển phát mất thời gian và chi phí.

4) Đề nghị quy định cho phép các hình thức chữ ký điện tử do DN tự phát triển, không cần xác thực để ký trên chứng từ kế toán nhằm đẩy nhanh tiến trình tự động hóa, giảm chi phí cho DN.

5) Quy định các hình thức chữ ký điện tử được thừa nhận đối với hoạt động trong nước và hoạt động có phạm vi quốc tế.

6) Quy định này cho thấy, tất cả chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử, đề nghị quy định cụ thể loại chứng từ điện tử nào bắt buộc phải có chữ ký điện tử.

3.4. Quy định về sổ kế toán

- Khoản 2 Điều 25 quy định *“Mỗi đơn vị kế toán chỉ sử dụng một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm”*. Quy định trên là chưa thực sự rõ ràng, đầy đủ và thống nhất quy định tại khoản 10 Điều 13 các hành vi nghiêm cấm *“Lập hai hệ*

thống sổ kế toán tài chính trở lên”. Trên thực tế đơn vị có thể cần phải mở sổ kế toán cho mục đích kế toán quản trị, quy định nêu trên không rõ về hệ thống kế toán tài chính, như vậy sẽ không phù hợp đối với mở hệ thống sổ cho mục đích kế toán quản trị.

- Một số quy định về sổ kế toán, ví dụ quy định về ghi sổ, chữa sổ kế toán vẫn chủ yếu dựa trên việc ghi sổ bằng tay trong khi hiện nay việc ghi sổ kế toán tại các đơn vị chủ yếu được thực hiện bằng phương tiện điện tử, việc ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử chỉ được quy định tại khoản 7 Điều 26 “*Đơn vị kế toán được ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử...*”. Quy định nêu trên không bao quát hết các đơn vị và vì vậy không phù hợp trong bối cảnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động kế toán hiện nay và xu thế trong tương lai.

3.5. Luật Kế toán Điều 27. Sửa chữa sổ kế toán

Mục 1: *Khi phát hiện sổ kế toán có sai sót thì không được tẩy xóa làm mất dấu vết thông tin, số liệu ghi sai mà phải sửa chữa theo một trong ba phương pháp sau đây:*

1) Đề nghị quy định việc chữa sổ kế toán trên phần mềm máy tính dựa trên hệ thống phần mềm của DN, không quy định cứng cách chữa sổ kế toán, do thực tế một số phần mềm dùng bút toán điều chỉnh ghi âm hoặc phần mềm nước ngoài thực hiện tài khoản trung gian trong hạch toán và điều chỉnh bút toán.

2) Đề xuất quy định: Sổ kế toán được lập bằng phương tiện điện tử đáp ứng các quy định về tài liệu điện tử thì không cần thiết phải in ra giấy và được phép lưu trữ

trên các phương tiện điện tử. Các phần mềm kế toán cần được thiết kế đảm bảo sổ kế toán sau khi khóa sổ kế toán năm thì không cho phép thay đổi thông tin, sửa, xóa. Đơn vị phải bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu và phải bảo đảm tra cứu được trong thời hạn lưu trữ.

Mục 3: *“Trường hợp phát hiện sổ kế toán có sai sót sau khi báo cáo tài chính năm đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải sửa chữa trên sổ kế toán của năm đã phát hiện sai sót và thuyết minh về việc sửa chữa này”*

1) Thực tế, hiện nay có các doanh nghiệp, trong đó có công ty niêm yết phát hành lại BCTC đã được kiểm toán (sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký công ty đại chúng hoặc do chính doanh nghiệp có nhu cầu phát hành lại để nộp BCTC cho cơ quan thuế và điều chỉnh lại số thuế tăng/giảm khi phát hiện sai).

2) Theo VAS 29, doanh nghiệp phải điều chỉnh hồi tố những sai sót trọng yếu liên quan đến các kỳ trước vào BCTC phát hành ngay sau thời điểm phát hiện ra sai sót bằng hai cách như trên mà không quy định việc phát hành lại BCTC của các kỳ trước có sai sót trọng yếu. Nếu thực hiện theo VAS 29, doanh nghiệp phải đợi đến kỳ phát hành báo cáo gần nhất sau thời điểm phát hiện ra sai sót để điều chỉnh hồi tố những sai sót liên quan đến các kỳ trước mà không hướng dẫn doanh nghiệp có thể phát hành lại BCTC kỳ trước ngay tại thời điểm phát hiện ra sai sót của kỳ trước.

3.6. Luật Kế toán (Điều 28) Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Mục 1: *“Các loại tài sản và nợ phải trả được đánh giá và ghi nhận theo giá*

trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính gồm”:

1) Luật Kế toán chưa liệt kê cụ thể các loại tài sản, nợ phải trả nào được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, chưa có hướng dẫn phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá theo giá trị hợp lý đối với từng loại tài sản hoặc nợ phải trả

2) Hiện nay chưa có văn bản dưới Luật nào hướng dẫn triển khai cụ thể quy định này (trừ một số quy định về tài sản tài chính đối với một số nghiệp vụ cụ thể), dẫn tới độ vênh giữa quy định nhà nước với thực tế triển khai của DN. Đề nghị quy định, hướng dẫn lộ trình triển khai phù hợp

3) Việc đánh giá giá trị tài sản và hạch toán theo giá trị hợp lý có tính kỹ thuật cao, BTC chưa có hướng dẫn chính thức và thống nhất (trừ một số quy định tại chuẩn mực kế toán số 4, TT 21/2006/TT-BTC; TT 200/2014/TT-BTC cho các trường hợp cụ thể) phương pháp xác định giá trị hợp lý nên gây khó khăn cho DN. Việc ghi nhận giá trị hợp lý theo quy định của Luật Kế toán và việc xác định các khoản chi phí/thu nhập khi đánh giá lại tài sản theo pháp luật về thuế TNDN còn chưa đồng nhất.

4) Bổ sung hướng dẫn đánh giá lại theo giá trị hợp lý phù hợp IFRS

3.7. Về báo cáo tài chính

Hiện nay quy định về việc công khai BCTC còn chưa rõ ràng, nhiều đơn vị chưa thực hiện công khai BCTC làm hạn chế đến quyền của người sử dụng BCTC;

Luật Kế toán (Điều 29) Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán

Mục 1: “Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính và kết quả

hoạt động của đơn vị kế toán. BCTC của đơn vị kế toán gồm”:

- a) Báo cáo tình hình tài chính;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động;
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính;
- đ) Báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

1) Việc quy định lập BCTC với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp nhóm 3, 4 là không phù hợp, ví dụ BCLCTT thể hiện dòng tiền ra, vào trong một khoảng thời gian, trong khi kinh phí của các đơn vị nêu trên phần lớn do NS cấp.

2) Quy định này mâu thuẫn với Điều 100 TT200; TT200 quy định thành phần BCTC nhưng có thêm Bảng cân đối kế toán.

3) Đề nghị điều chỉnh phù hợp với chuẩn mực quốc tế về kế toán.

Mục 2: “Việc lập báo cáo tài chính của đơn vị kế toán được thực hiện như sau:

a) Đơn vị kế toán phải lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán năm; trường hợp pháp luật có quy định lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác thì đơn vị kế toán phải lập theo kỳ kế toán đó;

b) Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Đơn vị kế toán cấp trên phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trong cùng đơn vị kế toán cấp trên;

c) Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán; trường hợp báo cáo tài chính trình bày khác nhau giữa các kỳ kế toán thì phải thuyết minh rõ lý do;

d) Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán. Người ký báo cáo tài chính phải chịu trách nhiệm về nội dung của báo cáo”.

1) Cần chỉ rõ đối tượng lập BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất

2) Theo quy định điểm khoản này thì trách nhiệm lập BCTC gồm 2 người, tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 55 Luật Kế toán quy định trách nhiệm của KTT “Lập BCTC tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán”, như vậy thì KTT phải là người lập BCTC.

Mục 3: “*Báo cáo tài chính năm của đơn vị kế toán phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật*”

1) Đề nghị có quy định về thời hạn nộp BCTC đối với các công ty có vốn góp của DN Nhà nước, vì TT 200 quy định các công ty mẹ, tổng công ty nhà nước nộp BCTC chậm nhất 90 ngày, trong khi quy định 90 ngày cũng áp dụng đối với các đơn vị khác, như vậy công ty mẹ không thể đảm bảo thời gian như quy định.

2) Điều 109 và Điều 110 TT 200 quy định DN phải nộp kèm Báo cáo kiểm toán vào BCTC khi nộp cơ quan cấp trên, như vậy việc nộp báo cáo kiểm toán cùng thời điểm BCTC (90 ngày)

Nên chia thời hạn nộp BCTC đã được kiểm toán theo loại hình DN vì nhu cầu cung cấp thông tin là khác nhau: DN niêm yết/có lợi ích công chúng; DN có quy mô lớn; DN nhỏ và vừa (có thể tham khảo mô hình phân tách, chia thời hạn nộp BCTC đã kiểm toán theo các loại

hình DN của Singapore, Malaysia).

Mục 4: “*Bộ Tài chính quy định chi tiết về báo cáo tài chính cho từng lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, đối tượng, kỳ lập, phương pháp lập, thời hạn nộp, nơi nhận báo cáo và công khai báo cáo tài chính*”

Điều 109 TT 200 quy định thời hạn nộp BCTC quý đối với các DNNN là 45 ngày, tuy nhiên, không có quy định đối với DN khác. Vì vậy, các công ty mẹ khó tổng hợp BCTC khi các công ty con không lập BCTC giữa niên độ.

3.8. Về đơn vị kế toán

Luật Kế toán (Điều 49) quy định về tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị kế toán, về trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán trong việc tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc quyết định thuê dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, việc xác định đơn vị nào là đơn vị kế toán chưa được nêu rõ trong Luật, khi chỉ quy định các đơn vị thuộc đối tượng áp dụng của Luật Kế toán có lập báo cáo tài chính thì được coi là đơn vị kế toán. Trong khi đó, việc quy định các đơn vị lập báo cáo tài chính được nêu trong các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán, được ban hành bởi Bộ Tài chính.

Về trách nhiệm của người đại diện pháp luật của đơn vị kế toán đã được quy định tại Điều 49 Luật Kế toán hiện hành, bao gồm tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán trưởng, tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác kế toán,... Tuy nhiên qua rà soát, Chính phủ trình Quốc hội bổ sung thêm nội dung: người đại diện pháp luật của đơn vị kế toán phải có trách nhiệm: Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ đơn vị và phải chịu trách nhiệm liên đới đối với những sai phạm do người khác

gây ra nhưng thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị mình hoặc do mình gây ra theo chỉ đạo của đơn vị kế toán cấp trên.

3.9. Về quy định đối với người làm kế toán

- Luật Kế toán (Điều 54) quy định về tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán. Cụ thể quy định người làm kế toán phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán (kế toán trưởng từ trình độ trung cấp trở lên). Ngoài ra Khoản 5, Điều 18 Nghị định 174/2017/NĐ-CP quy định: *“Người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kế toán là người đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc các học viện ở trong và ngoài nước...”*. Quy định này không phù hợp với thực tế về các ngành, chuyên ngành đào tạo của hệ thống giáo dục hiện nay. Trên thực tế có nhiều trường hợp tốt nghiệp đại học các ngành khác chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán (ví dụ như: quản trị kinh doanh) tuy nhưng trên bằng điểm ghi rõ: chuyên ngành kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành quản trị tài chính kế toán. Các trường hợp này được coi là có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.

3.10. Về tổ chức bộ máy kế toán, kế toán trưởng

Hiện nay, Luật Kế toán (Điều 54) quy định điều kiện để bổ nhiệm kế toán trưởng là phải có chứng chỉ kế toán trưởng, mà không có quy định về chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên. Trên thực tế, những người có chuyên môn nghiệp vụ có chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên lại không có thời gian đi

học để có chứng chỉ kế toán trưởng. Vì vậy đối với tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng nên bổ sung thêm điều kiện có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên.

Quy định tiêu chuẩn của kế toán trưởng và người phụ trách kế toán đều như nhau nên đối với các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, có thể bố trí người phụ trách kế toán mà không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng sẽ không có ý nghĩa trong thực tiễn.

Ngoài ra, do nhiệm vụ, vai trò của kế toán hiện nay có nhiều thay đổi, công tác kế toán và tài chính hầu như không thể tách rời, cùng làm nhiệm vụ tham mưu cho người

3.11. Về phần mềm kế toán

Các phần mềm kế toán hiện nay được phát triển khá đa dạng, chất lượng khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ kinh nghiệm, khả năng của nhà cung cấp phần mềm kế toán; xuất phát từ khả năng nắm bắt và đưa ra yêu cầu kỹ thuật của đơn vị kế toán đối với nhà cung cấp phần mềm, từ việc hiểu biết và sử dụng các ứng dụng của đội ngũ kế toán viên, nhân viên của các đơn vị kế toán.

Thực tế này đòi hỏi trong Luật Kế toán cần có những quy định mới, có tính nguyên tắc, là các yêu cầu về mặt nghiệp vụ, để đảm bảo chất lượng của các phần mềm kế toán, các ứng dụng hệ thống mà đơn vị kế toán sử dụng trong công tác kế toán, công tác quản lý đơn vị.

Thứ nhất, “Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán”.

1) Cần có sự liên thông, kết nối giữa các phần mềm để khai thác tối đa dữ liệu có liên quan trong triển khai.

Đề nghị bổ sung thêm quy định về công tác kế toán và lưu trữ theo hình thức Trung tâm dịch vụ chia sẻ. Hiện nay nhiều DN có vốn đầu tư nước ngoài đang áp dụng mô hình này. Trung tâm dịch vụ chia sẻ là Trung tâm cung cấp dịch vụ được chia sẻ trong một tổ chức, chịu trách nhiệm thực hiện và xử lý các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể như kế toán, nhân sự...

2) Việc chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán diễn ra chậm, chưa tương ứng kịp thời với tốc độ phát triển của các lĩnh vực khác. Hiện nay, việc chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán vẫn còn chưa đồng bộ trong tất cả các khâu liên quan (hạch toán, quyết toán, chế độ kế toán, lưu trữ chứng từ,...). Do đó, cần nghiên cứu chuyển đổi số trong tất cả các khâu của công tác kế toán, đặc biệt là khâu lưu trữ chứng từ được chuyển đổi số nhằm tiết kiệm chi phí, sức lao động, thời gian so với việc lưu trữ thủ công như hiện nay.

3) Bổ sung quy định liên quan để việc phối hợp giữa DN với cơ quan chức năng trong công tác báo cáo định kỳ, thanh tra, kiểm tra khi DN đã áp dụng kế toán và chứng từ điện tử hiệu quả, thuận lợi

Thứ hai, “Phần mềm kế toán”.

1) Đề nghị bổ sung các quy định cụ thể, nguyên tắc chung, để đảm bảo chất lượng các phần mềm kế toán của các đơn vị kế toán đang sử dụng, đồng thời cũng để thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước khi cần tổng hợp số liệu trong các BCTC và báo cáo quyết toán.

2) Cần đưa ra quy chuẩn trong việc

Tài liệu tham khảo

- 1- Luật Kế toán số 15.
- 2- Nguyễn Đăng Huy- Nâng cao chất lượng đào tạo Kế toán- kiểm toán, Tạp chí Kế toán - Kiểm toán số 4/2023.

sử dụng phần mềm để thống nhất, có kết nối với phần mềm lập BCTC nhà nước của KBNN nhằm cung cấp thông tin cho lập BCTC nhà nước. Phần mềm kế toán cần có những quy định mới, có tính nguyên tắc nhằm tăng độ bảo mật thông tin kế toán

3) Bổ sung quy định có tính nguyên tắc về yêu cầu nghiệp vụ, đảm bảo chất lượng phần mềm kế toán

4) Đề nghị quy định yêu cầu đối với các đơn vị cung cấp phần mềm phải đảm bảo chất lượng, kịp thời quy định của pháp luật và phù hợp sự phát triển của CNTT.

4. Kết luận

Cách mạng công nghệ cùng với yêu cầu của quá trình số hóa, nhất là quá trình chuyển đổi số, dẫn đến các quy định về kế toán trong Luật Kế toán hiện hành chưa theo kịp thực tế. Các đơn vị phản ánh vướng mắc trong việc thực hiện ký chứng từ, luân chuyển xử lý chứng từ, lưu trữ tài liệu kế toán, Mặc dù các giao dịch kinh tế trên phương tiện điện tử hiện nay được thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và các pháp luật chuyên ngành khác, do đó sửa đổi, bổ sung Luật Kế toán là một công việc quan trọng và cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế đất nước trong thời gian tới, tạo điều kiện cơ sở pháp lý cho cải thiện chất lượng kế toán và tăng cường tính minh bạch, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh về môi trường hoạt động, tạo sự đồng bộ và nhất quán cùng các quy định pháp luật có liên quan đã thay đổi./.